

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
chi ngân sách địa phương thị xã Vĩnh Châu năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng;

Sau khi xem xét Báo cáo số 234/BC-UBND, ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu đánh giá tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 của thị xã Vĩnh Châu; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội của Hội đồng nhân dân thị xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân và phát biểu giải trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu với một số nội dung và chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là 50.000 triệu đồng;

2. Tổng dự toán thu ngân sách nhà nước là 536.190 triệu đồng;

Trong đó: Thu ngân sách thị xã được hưởng theo phân cấp là: 46.770 triệu đồng;

3. Tổng dự toán chi ngân sách nhà nước là 536.190 triệu đồng.

(Đính kèm các phụ lục chi tiết)

Điều 2. Hội đồng nhân dân thị xã thống nhất với các nhóm giải pháp đã nêu trong báo cáo, đồng thời cần lưu ý một số giải pháp như sau:

- Về thu: Tăng cường quản lý chặt chẽ nguồn thu, chống thất thu, hạn chế nợ đọng thuế theo quy định của Luật quản lý thuế; quản lý chặt chẽ các khoản thu phí, lệ phí và các khoản thu theo quy định vào ngân sách nhà nước; kiểm

soát chặt chẽ và chủ động xử lý không để phát sinh mới tiền nợ thuế. Quan tâm thực hiện tốt quy chế phối hợp, có giải pháp tăng cường công tác thu thuế, ngăn chặn hành vi trốn thuế; thực hiện nghiêm và áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đúng quy định đối với các khoản nợ khó thu.

- Về chi: Ủy ban nhân dân thị xã quan tâm chỉ đạo, điều hành chi ngân sách các cấp trên cơ sở dự toán đã được Hội đồng nhân dân thị xã thông qua. Việc bố trí, phân bổ vốn đầu tư phát triển cho các dự án, công trình trong năm 2020 được đảm bảo theo Luật Đầu tư công. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành chất lượng các công trình, dự án, nhất là các công trình trọng điểm chào mừng Đại hội Đảng các cấp. Tăng cường công tác chỉ đạo và nâng cao trách nhiệm của chủ đầu tư trong thực hiện dự án. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại các cơ quan, đơn vị và ngân sách các cấp. Tổ chức thực hiện nghiêm túc việc công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và đóng góp của Nhân dân theo đúng quy định.

- Giữa 2 kỳ họp nếu có vấn đề phát sinh, điều chỉnh dự toán ngân sách, Hội đồng nhân dân thị xã giao Ủy ban nhân dân trao đổi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã xem xét quyết định và báo cáo với Hội đồng nhân dân trong kỳ họp gần nhất.

Điều 3.

1. Giao Ủy ban nhân dân thị xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu khoá XI, kỳ họp thứ 9 thông qua./.

Nơi nhận:

- TTHĐND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng;
- TT. Thị ủy;
- TT.HĐND thị xã;
- CT, các PCTUBND thị xã;
- Đại biểu HĐND thị xã khóa XI;
- Đại biểu HĐND tỉnh, đơn vị VC;
- Các cơ quan (Đảng - CQ - ĐT);
- TT.HĐND-UBND xã, phường;
- Lưu: VT, LT.



CHỦ TỌA

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND THỊ XÃ
Lưu Quốc Thiện

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ NĂM 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số 22 /NQ-HĐND ngày 16 / 12 /2019 của Hội đồng nhân dân thị xã Vinh Châu)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ	492.374	612.416	536.190	-76.226	87,55
I	Thu ngân sách thị xã được hưởng theo phân cấp	44.690	51.690	46.770	-4.920	90,48
1	Thu ngân sách thị xã hưởng 100%	41.390	42.990	42.090	-900	97,91
2	Thu ngân sách thị xã từ các khoản thu phân chia	3.300	8.700	4.680	-4.020	53,79
II	Bổ sung từ ngân sách tỉnh	447.684	494.298	489.420	-4.878	99,01
	- Bổ sung cân đối	367.548	367.548	394.950	27.402	107,46
	- Bổ sung có mục tiêu	80.136	126.750	94.470	-32.280	74,53
IV	Thu kết dư		32.308		-32.308	0,00
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		34.120		-34.120	0,00
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	492.374	583.562	536.190	47.229	108,90
I	Tổng chi cân đối ngân sách thị xã	412.238	404.917	441.720	29.482	107,15
1	Chi đầu tư phát triển	33.340	33.340	36.217	2.877	108,63
2	Chi thường xuyên	369.775	369.775	395.813	26.038	107,04

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối
3	Dự phòng ngân sách	8.085	764	8.652	567	107,01
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	1.038	1.038	1.038	1.038	100,00
II	Chi các chương trình mục tiêu	80.136	112.217	94.470	17.747	117,89
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		14.923			
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	80.136	97.294	94.470	14.334	117,89
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		34.120			
IV	Chi từ nguồn kết dư ngân sách		32.308			



PL 02-DT

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 22 /NQ-HĐND ngày 16 / 12 /2019
của Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2019		Dự toán năm 2020		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã	Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã	Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng thu NSNN	57.800	51.690	50.000	46.770	86,51	90,48
1	Thu từ khu vực ngoài Quốc doanh	17.000	16.890	17.000	16.890	100,00	100,00
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.500	2.500	2.500	2.500	100,00	100,00
	- Thuế giá trị gia tăng	14.390	14.390	14.390	14.390	100,00	100,00
	- Thuế tài nguyên	50		50		100,00	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	60		60		100,00	
	- Thu khác						
2	Thuế thu nhập cá nhân	7.200	7.200	8.000	8.000	111,11	111,11
3	Lệ phí trước bạ	16.000	16.000	14.000	14.000	87,50	87,50
4	Thu phí, lệ phí	2.000	1.800	2.000	2.000	100,00	111,11
5	Thu tiền sử dụng đất	14.500	8.700	7.800	4.680	53,79	53,79
6	Thu khác ngân sách	1.100	1.100	1.200	1.200	109,09	109,09

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số 22 /NQ-HĐND ngày 16 / 12 /2019 của Hội đồng nhân dân thị xã Vinh Châu)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	492.374	536.190	43.816	108,90
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	412.238	441.720	29.482	107,15
I	Chi đầu tư phát triển	33.340	36.217	2.877	108,63
	Trong đó chia theo nguồn vốn:				
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.300	4.680	1.380	141,82
II	Chi thường xuyên	369.775	395.813	26.038	107,04
	Trong đó:				
	Chi giáo dục, đào tạo & dạy nghề	225.733	242.730	16.997	107,53
III	Chi dự phòng ngân sách	8.085	8.652	567	107,01
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	1.038	1.038	0	100,00
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	80.136	94.470	14.334	117,89
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	80.136	94.470	18.199	117,89
1	Bổ sung có mục tiêu từ nguồn cân đối NSDP	8.865	5.000	0	56,40
	Đường khu du lịch sinh thái Hồ Bể		5.000		

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
2	Bổ sung có mục tiêu từ nguồn xổ số kiến thiết	41.560	58.225	16.665	140,10
2.2	Trường tiểu học Lai Hòa 3		14.590	14.590	
2.3	Trường tiểu học Vĩnh Tân 1		14.500	14.500	
2.4	Trường tiểu học 3 phường 1		14.200	14.200	
2.5	Trường THCS Vĩnh Hải		14.935	14.935	
3	Bổ sung có mục tiêu từ nguồn vốn bổ sung có mục tiêu của NSTW	29.711	31.245	1.534	105,16
3.1	Vốn đầu tư phát triển	1.090	0	-1.090	0,00
-	Vốn trái phiếu Chính phủ: Thực hiện dự án Đầu tư phòng học thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học	1.090		-1.090	0,00
3.2	Vốn sự nghiệp	28.621	31.245	2.624	109,17
-	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ	6.900	7.252	352	105,10
-	Kinh phí chi trợ cấp xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ	3.171	2.726	-445	85,97
-	Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, ấp đặc biệt khó khăn	7.000	11.576	4.576	165,37
-	Hỗ trợ tiền ăn trưa đối với trẻ mẫu giáo	2.140	2.285	145	106,78
-	Hỗ trợ kinh phí thu gom, xử lý rác địa bàn có đồng bào dân tộc thiểu số	6.500	6.500	0	100,00

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
-	Kinh phí đảm bảo trật tự an toàn giao thông		210	210	
-	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội	2.910	696	-2.214	23,92



CÂN ĐO NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 22 /NQ-HĐND ngày 16 / 12 /2019 của Hội đồng nhân dân thị xã Vinh Châu)

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối
A	B	1	2	3	4	5
A	Ngân sách cấp thị xã					
I	Nguồn thu ngân sách	492.374	618.526	529.003	-89.523	85,53
1	Thu ngân sách cấp thị xã hưởng theo phân cấp	44.690	57.800	39.583	-18.217	68,48
2	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	447.684	494.298	489.420	-4.878	99,01
	- Bổ sung cân đối	367.548	367.548	394.950	27.402	107,46
	- Bổ sung có mục tiêu	80.136	126.750	94.470	-32.280	74,53
3	Thu kết dư		32.308		-32.308	0,00
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		34.120	0	-34.120	0,00
II	Chi ngân sách	485.661	583.062	529.003	43.342	108,92
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp thị xã	441.195	431.389	483.249	42.054	109,53
2	Bổ sung cho ngân sách xã, phường	44.466	86.901	45.754	1.288	102,90
	- Chi bổ sung cân đối	39.956	39.950	38.499	-1.457	96,35
	- Chi bổ sung có mục tiêu	4.510	46.951	7.255	2.745	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau		34.120		0	

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối
4	Chi kết dư		30.652			
B	Ngân sách xã, phường					
I	Nguồn thu ngân sách	51.179	99.757	52.941	-46.816	53,07
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	6.713	5.970	7.187	1.217	120,39
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp thị xã	44.466	86.901	45.754	-41.147	52,65
	- Bổ sung cân đối	39.956	39.950	38.499	-1.451	96,37
	- Bổ sung có mục tiêu	4.510	46.951	7.255	-39.696	
3	Thu kết dư		1.656		-1.656	0,00
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		5.230		-5.230	0,00
II	Chi ngân sách	51.179	108.952	52.941	1.762	103,44



PL 05 - DT

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN
TUNG XÃ, PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2020***(Kèm theo Nghị quyết số 22 /NQ-HĐND ngày 16 / 12 /2019
của Hội đồng nhân dân thị xã Vinh Châu)*

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	BAO GỒM				
			Thuế giá trị gia tăng	Thu phí và lệ phí	Phí môn bài	Thuế thu nhập cá nhân	Thu khác ngân sách
	TỔNG SỐ	9.870	5.630	360	520	2.860	500
1	Phường 1	5.850	3.650	60	260	1.830	50
2	Phường 2	290	120	45	15	60	50
3	Phường Vĩnh Phước	880	480	60	50	240	50
4	Phường Khánh Hòa	475	235	35	25	130	50
5	Xã Vĩnh Tân	350	160	35	20	85	50
6	Xã Lai Hoà	575	290	35	40	160	50
7	Xã Vĩnh Hải	510	265	25	40	130	50
8	Xã Lạc Hoà	340	155	30	25	80	50
9	Xã Hòa Đông	360	175	20	20	95	50
10	Xã Vĩnh Hiệp	240	100	15	25	50	50



PL 06 - DT

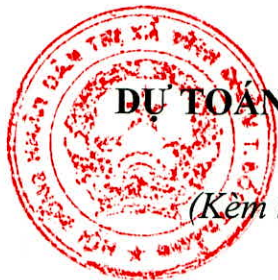
**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ, CHI NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ
VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số 22 /NQ-HĐND ngày 16 /12/2019
của Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách thị xã	Chia ra	
			Ngân sách cấp thị xã	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	536.190	483.249	52.941
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	441.720	388.779	52.941
I	Chi đầu tư phát triển	36.217	36.217	
	Trong đó chia theo nguồn vốn:			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.680	4.680	
II	Chi thường xuyên	395.813	342.872	52.941
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục, đào tạo & dạy nghề	242.730	242.730	
III	Chi dự phòng ngân sách	8.652	8.652	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	1.038	1.038	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	94.470	94.470	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	94.470	94.470	
1	Bổ sung có mục tiêu từ nguồn cân đối ngân sách tỉnh	5.000	5.000	
-	Đường khu du lịch sinh thái Hồ Bể	5.000	5.000	
2	Bổ sung có mục tiêu từ nguồn vốn bổ sung có mục tiêu của NSTW	31.245	31.245	
2.1	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ	7.252	7.252	
2.2	Kinh phí chi trợ cấp xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ	2.726	2.726	

STT	Nội dung	Ngân sách thị xã	Chia ra	
			Ngân sách cấp thị xã	Ngân sách xã
2.3	Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, ấp đặc biệt khó khăn	11.576	11.576	
2.4	Hỗ trợ tiền ăn trưa đối với trẻ mẫu giáo	2.285	2.285	
2.5	Hỗ trợ kinh phí thu gom, xử lý rác địa bàn có đồng bào dân tộc thiểu số	6.500	6.500	
2.6	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội	696	696	



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 22 /NQ-HĐND ngày 16 / 12 /2019
của Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu)

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung	DỰ TOÁN
	Tổng chi ngân sách thị xã	529.003
A	Chi bổ sung cho ngân sách xã	45.754
1	Chi bổ sung cân đối cho ngân sách xã	38.499
2	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã	7.255
B	Chi ngân sách cấp thị xã theo lĩnh vực	388.779
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	36.217
	Trong đó: Chi đầu tư cho các dự án	36.217
II	Chi thường xuyên	342.872
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục	238.181
2	Chi đào tạo & dạy nghề	4.549
3	Chi y tế	1.661
4	Chi văn hóa thông tin, thể dục thể thao	2.416
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.089
6	Chi bảo vệ môi trường	6.371
7	Chi các hoạt động kinh tế	28.932
8	Chi hoạt động của các cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	34.422
9	Chi đảm bảo xã hội	21.645
10	Chi quốc phòng	2.411
11	Chi an ninh	395
12	Chi thường xuyên khác	800
III	Dự phòng ngân sách	8.652
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	1.038

STT	Nội dung	DỰ TOÁN
C	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	94.470
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	94.470



PL 08-DT

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN CỦA NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 22 /NQ-HĐND ngày 16 / 12 /2019 của Hội đồng nhân dân thị xã Vinh Châu)

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

ST T	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:												
			CHI GIÁO DỤC	CHI ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI Y TẾ	CHI VĂN HÓA THÔN G TÍN, TT	CHI PHÁT THANH	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	CHI AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI THƯỜNG XUYỀN KHÁC
										CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	TỔNG SỐ	342.872	238.181	4.549	1.661	2.416	1.089	6.371	28.932	3.500	450	34.422	2.806	21.645	800
1	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	2.231		2.231											
2	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	790		790											
3	Trung tâm Văn hoá - Thể thao	2.016				2.016									
4	Đài truyền thanh	1.089					1.089								
5	Văn phòng HĐND&UBND	5.527										5.527			
-	Kinh phí quản lý hành chính											3.797			
-	Kinh phí đảm bảo hoạt động UBND thị xã											500			
-	Kinh phí hoạt động HĐND, đại biểu HĐND thị xã											1.045			
-	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực ngành											185			
6	Phòng Nội vụ	1.894										1.094			800

ST T	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:													
			CHI GIÁO DỤC	CHI ĐÀO TẠO VÀ DAY NGHỀ	CHI Y TẾ	CHI VĂN HÓA THÔNG G TIN, TT	CHI PHÁT THANH	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	CHI AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI THƯỜNG XUYỀN KHÁC	
										CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN					
7	Phòng Lao động-TB&XH	22.651											1.006		21.645	
8	Phòng Tư pháp	537											537			
9	Phòng Văn hóa & Thông tin	912											912			
10	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.442											1.442			
11	Phòng Kinh tế	1.936								450		450	1.486			
12	Phòng Tài nguyên & Môi trường	7.134							6.371				763			
13	Thanh tra	701											701			
14	Phòng Giáo dục & Đào tạo	239.344	238.181										1.163			
15	Phòng Quản lý đô thị	25.335								24.590	3.500		745			
16	Phòng Y tế	1.767			1.661								106			
17	Phòng Dân tộc	336											336			
18	Văn phòng Thị ủy	11.053											11.053			
19	Ủy ban MTTQVN thị xã Vĩnh Châu	736											736			
20	Thị đoàn	801											801			
21	Hội Liên hiệp phụ nữ	993											993			
22	Hội Nông dân	809											809			
23	Hội Cựu chiến binh	520											520			
24	Hội Chữ thập đỏ	506											506			

ST T	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:												
			CHI GIÁO DỤC	CHI ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI Y TẾ	CHI VĂN HÓA THÔN G TÍN, TT	CHI PHÁT THANH	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	CHI AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI THƯỜNG XUYỀN KHÁC
										CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN				
25	Hội Nạn nhân CD da cam	126										126			
26	Hội Khuyến học	126										126			
27	Hội Chiến sĩ CMBĐBTĐ	126										126			
28	Hội Luật gia	126										126			
29	Hội Người Cao tuổi	126										126			
30	Hội Người mù	159										159			
31	Ban chỉ huy quân sự thị xã	2.321											2.321		
	Trong đó: hỗ trợ chi quốc phòng xã, phường												350		
32	Đồn biên phòng Vĩnh Châu	30											30		
33	Đồn biên phòng Vĩnh Hải	30											30		
34	Đồn biên phòng Lai Hòa	30											30		
35	Công an	395											395		
36	Hỗ trợ Tòa án nhân dân	30										30			
37	Hỗ trợ Viện Kiểm Sát nhân dân	30										30			
38	Hỗ trợ Chi cục Thi hành án (Bao gồm kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo thi hành án dân sự)	80										80			
39	Hỗ trợ Chi cục Thống kê	30										30			
40	Hỗ trợ Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	30										30			
41	Các khoản chi quản lý tại ngân sách	8.017	0	1.528	0	400	0	0	3.892	0	0	2.197	0	0	0

ST T	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:												
			CHI GIÁO DỤC	CHI ĐÀO TẠO VÀ DAY NGHỀ	CHI Y TẾ	CHI VĂN HÓA THÔNG G TIN, TT	CHI PHÁT THANH	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	CHI AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI THƯỜNG XUYỀN KHÁC
										CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN				
-	Các khoản chi không tự chủ	1.797										1.797			
-	Ứng dụng công nghệ thông tin	200										200			
-	Cải cách hành chính	200										200			
-	Chi đào tạo dạy nghề	1.528		1.528											
-	Chi sự nghiệp kinh tế	3.892							3.892						
+	Kinh phí bảo vệ đất trồng lúa								2.320						
+	Chi sự nghiệp kinh tế khác								1.572						
-	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin - thể thao	400				400									



DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ, PHƯỜNG NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 22 /NQ-HĐND ngày 16 / 12 /2019
của Hội đồng nhân dân thị xã Vinh Châu)

Đvt: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã, phường được hưởng			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp thị xã	Tổng chi cân đối ngân sách xã, phường
			Tổng số	Thu NS xã, phường hưởng 100%	Thu NS xã, phường được hưởng từ các khoản phân chia		
A	B	1	2	3	4	5= 8 - 2	8
	Tổng số	9.870	7.187	3.360	3.827	38.499	45.686
1	Phường 1	5.850	3.476	370	3.106	779	4.255
2	Phường 2	290	272	230	42	4.700	4.972
3	Phường Vĩnh Phước	880	808	640	168	3.802	4.610
4	Phường Khánh Hòa	475	436	345	91	4.946	5.382
5	Xã Vĩnh Tân	350	325	265	60	4.170	4.494
6	Xã Lai Hoà	575	527	415	112	4.480	5.007
7	Xã Vĩnh Hải	510	471	380	91	3.843	4.314
8	Xã Lạc Hoà	340	316	260	56	3.951	4.267
9	Xã Hòa Đông	360	332	265	67	3.940	4.271
10	Xã Vĩnh Hiệp	240	225	190	35	3.889	4.114



PL 10-DT

**DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ
CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ, PHƯỜNG NĂM 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số 22 /NQ-HĐND ngày 16 / 12 /2019
của Hội đồng nhân dân thị xã Vinh Châu)

Đvt: Triệu đồng

STT	Huyện, thành phố	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1	2	3	4
	Tổng cộng	7.255	0	7.255	0
A	Bổ sung vốn để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ giao đầu năm	5.155	0	5.155	0
01	Phường 1	400		400	
02	Phường 2	515		515	
03	Phường Vĩnh Phước	477		477	
04	Phường Khánh Hòa	443		443	
05	Xã Vĩnh Tân	654		654	
06	Xã Lai Hoà	693		693	
07	Xã Vĩnh Hải	471		471	
08	Xã Lạc Hoà	591		591	
09	Xã Hòa Đông	456		456	
10	Xã Vĩnh Hiệp	456		456	
B	Bổ sung vốn để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ trong năm	2.100		2.100	